PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 84

Thiên thứ 85: **LỤC ĐỘ** (Phần năm)

Phần thứ năm: **THIỀN ĐỊNH**

Phần này có năm mục tách biệt: Thuật ý, Dẫn chứng, Đầu đà, Lợi ích, Định chướng.

Thứ nhất: **Thuật Ý**

Thắng nghiệp thần thông không phải thiền định thì không thể sinh ra, tuệ căn vô lậu không phải tịch tĩnh thì không thể phát được. Vì vậy trong kinh nói: "Tu sâu vào thiền định đạt được năm thứ thần thông, tâm ở tại một duyên là tướng của Tam Muội." Sách xưa cũng có nói: "Phải làm cho hình hài giống như cây khô, tâm tư giống như tro nguội, không làm công việc đào bới giàu sang, không rơi vào nơi giữ lấy nghèo hèn, thần thức dừng lại trạng thái vắng vẻ sâu xa, hình hài để lại ngoài tướng mạo bụi bám khắp nơi." Vì vậy một nơi chính là rừng cây công đức, thả ý trong chốc lát thì gọi là La sát phiền não. Vì lẽ đó Thích tử Đàm Quang thuần phục hổ dữ ở trước đầu gối, Tiên nhân Loa Kế ngủ trong ổ chim ở trên cành cao; quả là biết bậc Đại Sĩ thường tu pháp ngồi lặng suy tư, không đoạn trừ phiền não mà tiến vào Niết bàn, không rời bỏ đạo pháp ngay nơi việc phàm phu. Lại luôn luôn quán sát thân này, từ đầu đến chân gồm ba sáu vật-tám vạn loài trùng, đều là bất tịnh- vô thường- khổ-không- vô ngã. Nhưng tâm tánh của chúng sinh ví vượn khỉ chạy nhảy đùa bám theo duyên-vui vẻ lao đến quá mức tùy tiện, không thể nào nhắm mắt-giữ thân-buộc tâm-kềm ý, ngang bướng cố chấp khó giáo hóa –tàn ác tội lỗi không thuần phục, thói quen gần gũi năm trần trôi lăn mãi trong ba cõi, dính chặt vào keo của ngoại đạo, xâu vào đầu gậy của Thiên ma, thế là mãi mãi chìm trong biển khổ-luôn luôn rơi vào lao ngục hiểm nguy, đều do buông thả tình ý suy nghĩ-làm rối tâm tư thần thức. Tương tự ngọn đèn trước gió, ví như bóng trăng giữa sóng,

đung đưa dập dờn tùy tiện, trôi nổi bềnh bồng khắp nơi, ảnh đã không hiện rõ ra, chiếu rọi lẽ nào sáng được? Vì lẽ đó mọi điều ác dựa vào đây mà dấy lên, những điều thiện do vậy mà cùng dứt bỏ. Bởi vì không tu pháp đoạn mê lầm, luôn luôn dấy niệm tham sân, không điều phục chẳng biết gì, chỉ hưởng thụ nhiều khoái lạc; liền khiến cho mê hoặc ngăn cách thiền định liên tục tranh nhau xuất hiện, duyên tố trở ngại vắng lặng cùng lúc giành nhau tụ tập. Năm cái che phủ tâm tư thiền môn đã khép lại, sáu Trần ngày nơi ý niệm loạn tưởng mãi ruỗi rong, giống như voi điên mà không có móc sắt, tựa như vượn khỉ mà gặp được cây rừng. Do đó cần phải từng niệm từng niệm thúc giục tâm tư-những điều mới lạ tu tập dấy lên; lẽ nào niệm trước đều ác, liền chịu khó mà lắng cảnh trần, niệm sau khởi thiện, thi thuận ý mà nêu niệm ác hay sao? Vì lẽ đó Luận làm đẹp bốn thời-Kinh ca ngợi một niệm, sau đó mới có thể suy tưởng chính đáng làm thay đổi hẳn tâm địa phàm trần. Nếu trái với lý này thì bậc Thánh cũng không làm gì được. Nay vạn cảnh lồng lộng bao la không thể nào tự mình tiếp xúc được, cần phải noi theo lối cũ dựa vào các căn bên trong suy tưởng cảm nhận mà phát ra. Tại sao biết như vậy? bởi vì nay có tâm cảm nhận ở bên trong- sự phát ra ở bên ngoài, hoặc là duyên ở bên ngoài dấy lên những nhiễm trước ở bên trong, cho nên biết trong và ngoài cung cấp cho nhau- ngoài và trong sử dụng theo thứ tự, vua-tôi-tâm-thức không thể nào hoàn toà bỏ được. Vì vậy trong kinh nói: " Nếu tâm vương ngay thnẳg thì sáu tâm bề tôi không tà vạy, thức và ý ảm đạm mê mờ thì do chúa tể của nó không rõ ràng. Nay sáu tâm bề tôi ân hận nên tự mỗi người đều hổ thẹn chế ngự sáu căn không để cho rong ruỗi tản mác khắp nơi."

Thứ hai: **Dẫn Chứng.**

Như phẩm Tâm Ý trong kinh Pháp Cú giải thích rằng: Xưa vào thời Đức Phật tại thế, có một Đạo nhân ở dưới tán cây bên bờ sông học đạo, trong mười hai năm ý tưởng tham lam không trừ được, tâm rong ruỗi ý tản mác chỉ nghỉ đến 6 thứ dục, mắt nhìn sắc, tai nghe thanh-mũi ngưởi hương-miệng nếm vị-thân cảm thọ-tâm phân biệt pháp, thân yên lặng mà ý rong ruỗi không hề dừng lại yên ổn, trong mười hai năm không thể nào đắc đạo. Đức Phật biết có thể hóa độ, bèn làm Sa môn, đi đến chỗ ấy, cùng trú ngụ dưới tán cây. Trong chốc lát vầng trăng tỏa sáng, có con rùa từ trong dòng sông nổi lên bơi đến dưới tán cây. Lại có con chó nước đói bụng đi kiếm ăn, cùng với con rùa gặp nhau, liền muốn ăn thịt con rùa. Con rùa rút đầu co đuôi và bốn chân giấu vào trong mai, con chó nước không thể nào ăn thịt được, lát sau bỏ đi xa.

Con rùa lại thò đầu và chân ra, chầm chậm bước đi như cũ, không thể làm gì được, thế là được thoát nạn. Ngay sau Đạo nhân hỏi hóa Sa môn: Con rùa này có áo giáp bảo vệ mạng sống, con chó nước không thể nào có được dịp thuận tiện ấy? Hóa Sa môn đáp rằng: Tôi nghĩ người đời không bằng con rùa này, không biết vô thường mà buông bỏ tùy tiện theo sáu tình, để cho tà ma ngoại đạo được dịp thuận tiện, hình hài hủy hoại thần thức ra đi, sinh tử nào hay duyên cớ, xoay tròn năm đường khổ não trong trăm ngàn cảnh, đều do ý mà tạo ra. Nên tự khuyến khích mình cầu diệt độ an lành. Thế là hóa Sa môn liền nói kệ rằng:

Giấu sáu chỗ như rùa,
Giữ ý như giữ thành,
Tuệ cùng ma đánh nhau,
Thắng thì không lo sợ.

Còn trong kinh Cầu Ly Lao Ngục nói: "Lúc ấy có em trai vua A Dục, tên là Thiện Dung (cũng gọi là Vi Đà Thủ Kì) đi vào núi săn bắn dạo chơi, thấy các Phạm chí lõa hình khổ hạnh mà không được gì. Em trai nhà vua gặp mà hỏi rằng: Ông ở đây hành đạo, có điều gì lo lắng vất vả mà không thành tựu đạo nghiệp? Phạm chí trả lời rằng: Bởi vì có bầy hươu đã nhiều lần cùng nhau hợp hội (giao cấu), tôi trông thấy nên động tâm không thể nào tự kềm chế được. Em trai nhà vua nghe rồi, liền sanh ra ác niệm: Những Phạm chí này, uống gió ăn hơi nên sức lực gầy yếu mệt mỏi, hãy còn có tai họa dâm dục không trừ bỏ, Sa môn Thích tử ăn uống ngon ngọt còn ngồi trên giường ghế tốt đẹp, áo quần tùy thời tiết hương hoa tự nhiên xông ướp, lẽ nào có thể không còn dục vọng? Lúc ấy vua A Dục nghe em trai có điều bàn luận như vậy, thì trong lòng cảm thấy ưu sầu: Ta chỉ có một người em trai, bỗng nhiên sanh lòng tà kiến, sợ rằng mãi mãi mê muội, ta nên tìm cách thích hợp để loại bỏ ác niệm ấy. Liền trở về trong cung truyền lệnh cho các kỹ nữ, đều tự mình tang điểm đẹp đẽ, đến chỗ Thiện Dung cùng nhau chơi đùa vui vẻ. Chuẩn bị trước sắc lệnh cho Đại thần: Ta có kế hoạch này, nếu Ta truyền lệnh cho khanh giết Thiện Dung, thì các khanh liền can gián, cần phải đợi đến bảy ngày cứ tùy ý nhà vua mà giết!

Lúc ấy các kỹ nữ liền đi đến chơi đùa vui vẻ, chưa được bao lâu thì nhà vua tự mình đến đó, nói với em trai rằng: Vì sao tùy ý dẫn kỹ nữ thê thiếp của Ta để tự mình tiêu khiển vui vẻ? Bất ngờ dùng uy quyền giận dữ lấy chiếc vòng ném lên hư không, gọi các Đại thần lập tức tuyên bố rằng: các khanh biết hay không, ta chưa già yếu, cũng không có giặc ngoài hay kẻ địch hùng mạnh đến xâm lấn đất nước, ta

từng nghe cổ xưa các bậc hiền đức có câu ngạn ngữ này, rằng có người phước thì khắp nơi đều quy phục-phước hết đức mỏng thì sự bội phản nảy sinh từ nơi thân cận, như ta tự xét mình chưa có biến động này, nhưng mà Thiện Dung là em trai ta dụ dỗ kỹ nữ thê thiếp của ta mặc tình tự nhiên làm điều tùy tiện, sự việc đã như vậy há còn có ta chăng? Các khanh mang đi đến chợ chém đầu! Các quan can gián rằng: Chỉ mong Đại Vương xem xét đôi lời sâu xa của hạ thần, chỉ có một người em trai này, lại thiếu con cái đời sau không có người kế tự, mong cho bảy ngày tùy ý làm vua, cầu xin nghe theo chỉ thị của nhà vua. Lúc ấy nhà vua lặng lẽ nghe theo lời can gián của các quan. Nhà vua lại rộng lòng ban ân, truyền lệnh nói với các quan: Chỉ thị tuỳ ý Vương tử, mặc quần áo trang sức của ta, mũ niệm uy dung như ta không khác, ở trong cung của ta làm mọi thứ kỹ nhạc, cùng chơi đùa vui vẻ như thường. Lại truyền lệnh cho một cận thần bắt đầu từ hôm nay mặc áo giáp cầm binh khí, rút gươm sắt nhọn, đến nói với Vương tử Thiện Dung rằng: Biết hạn kỳ bảy ngày kết thúc chăng, bây giờ nên đến lúc cố gắng cắt bỏ năm dục để tự mình làm cho vui vẻ, nay không tự nhiên thích hợp thì sau khi chết rồi có hối hận cũng không ích gì. một ngày đi qua rồi vị cận thần lại đến nói: Còn lại sáu ngày. Như vậy lần lượt cho đến một ngày, vị cần thần đến thưa rằng: Vương tử nên biết, sáu ngày đã trôi qua chỉ còn lại ngày mai, sẽ đi vào chỗ chết, cố gắng buông thả tình ý, tự mình vui với năm dục. Cuối cùng bảy ngày đến, nhà vua sai sứ hỏi: Thế nào Vương tử, trong bảy ngày ý chí tự do khoái lạc hay không vậy? em trai trả lời nhà vua rằng: Đại Vương nên biết, không thấy không nghe có gì khoái lạc cả! Nhà vua hỏi em trai rằng: Mặc quần áo trang sức của ta, vào trong cung điện của ta, các kỹ nữ tự nhiên vui thú, ăn uống thì dùng toàn vị ngon lành, vì sao tự mình lừa dối nói là không thấy không nghe không khoái lạc gì cả? Em trai thưa với nhà vua rằng: Người phải chết, tuy mạng sống chưa chấm dứt mà đâu khác gì so với chết, nên đâu có tình cảm đắm theo năm dục? Nhà vua nói cho em trai biết rằng: Người ngu dốt vụng về đã kể, nay em có một thân mà lo buồn trăm mối, một thân đoạn diệt mà đối với dục còn không vui, huống gì Sa môn ưu sầu nghĩ đến ba đời, một thân chết đi lại nhận chịu một thân, trăm ngàn vạn ức đời, thân này thân khác nhận chịu khổ đau vô lượng ưu sầu lo lắng, tuy sanh ra làm người mà để cho người ta sai khiến, hoặc sanh trong nhà nghèo khó cơm áo thiếu thốn vô cùng, nghĩ đến nỗi chua xót này cho nên xuất gia hành đạo, cầu mong đạo lý vô vi vượt khỏi thế gian, nếu như không tinh tiến thì sẽ tiếp tục trải qua nhiều đời kiếp khổ đau.

Lúc này Vương tử trong lòng mở mang ý nghĩ hiểu rõ, tiến lên thưa với nhà vua rằng: Nay nghe nhà vua dạy boả mới được thức tỉnh sợ hãi, sanh-lão-bệnh-tử thật là đáng chán ngán lo sợ, ưu sầu khổ não lưu chuyển không ngừng, chỉ mong Đại Vương, cho em được pháp vì đạo, cẩn thận tu hành! Nhà vua bảo với em trai rằng; Thích hợp là biết rõ đúng lúc. Người em trai liền từ biệt nhà vua xuất gia làm Sa môn, tôn trọng giữ gìn giới cấm tinh tiến suốt ngày đêm, liền đạt được quả vị A La Hán, sáu thần thông hoàn toàn đầy đủ không có gì ngăn trở vướng mắc."

Lại trong truyện A Dục Vương nói: "Vua A Dục nghe em trai đắc đạo, tâm vô cùng hoan hỷ, cúi rập đầu lễ lạy cung kính, xin cúng dường suốt đời. Nhưng em trai nhà vua đã chán ngán cuộc đời đau khổ không vui sướng gì của chốn nhân gian, thề dựa vào rừng núi hoang vắng để nuôi dưỡng mạng sống còn lại. Vua A Dục liền sai khiến quỷ thần ở trong cung thành của mình làm ra núi sông cây cối, núi cao mấy chục trượng, đoạn tuyệt mọi người không được qua lại. Em trai nhà vua mới thuận theo mạng lệnh thẳng thắn yêu cầu ban cho tiền bạc, làm một pho tượng đá, thân cao một trượng sáu. Nhà vua lập tức ở tại hang đá làm khám thờ trong núi cúng dường em trai mình. Núi và pho tượng này ngày đều còn."

Thứ ba: **Đầu Đà.**

Năm dục ràng buộc che lấp đều là sự chướng ngại đến thiền định. Đã có thể trừ bỏ, thì tâm tư vắng lặng, có thể tự tu đạo. Do đó trong phần này, trình bày đầy đủ về mười hai hạnh đầu đà, thiểu dục tri túc không gì hơn được những hạnh này. Tây Vực nói là Đầu Đà, Trung Hoa nói là Đẩu Tẩu, thường suyên thực hành pháp này thì có năng lực giật tung phiền não xa lìa tham trước. Như áo quần giũ tung có thể trừ sạch bụi bẩn, vì vậy theo thí dụ làm tên gọi, cho nên gọi là Đầu Đà. Kinh luận phân biệt rõ ràng, đều nói mười hai hạnh; luận tổng quát về chung và riêng, tất cả có mười sáu loại. Như trong y phục có bốn loại, trong ăn uống có sáu loại, trong trú xứ có sáu loại, cho nên gồm có mười sáu loại. Trong y phục có bốn loại:1. Y phấn tảo; 2. Y bằng lông thú; 3. Y bằng vải rách khâu lại; 4. Ba y thường sử dụng. Trong ăn uống có sáu loại: 1. Khất thực; 2. Theo thứ tự khất thực; 3. Ăn đúng pháp, không ăn sau bửa ăn; 4. Luôn luôn ngồi mà ăn; 5. Ăn một nắm, cũng gọi là ăn có mức độ; 6. Sau giờ Ngọ không uống nước hồ-sữa... Trong trú xứ có sáu loại: 1. Ở nơi A lan nhã; 2. Ở giữa gò mã; 3. Ở dưới tán cây; 4. Ở nơi trống trải; 5. Đúng pháp thường ngồi; 6. Đúng pháp thuận theo mà

ngồi. Ngay nơi mười sáu loại ẩn hiển ly hợp này, vốn nói là 1hai loại. Như bốn loại trong y phục, căn cứ vào Tứ Phần Luật và Trí Độ Luận, giống nhau chỉ nói hai loại: 1. Mặc y bằng vải rách khâu lại; 2. Mặc ba y thường sử dụng; Không bàn đến hai loại còn lại. Căn cứ vào kinh Niết bàn nói ba loại, đó là Khất thực luôn luôn ngồi mà ăn-ăn chỉ một nắm.

Nguyên cớ không nói đến thứ tự khất thực, là bởi vì lúc thường xuyên như pháp khất thực, nhất định phải có thứ tự, do đó không nói riêng biệt; nhưng có thể ăn chỉ một nắm và ăn một lần, thì tự nhiên không làm ra cách ăn sau bửa ăn và sau giờ Ngọ không uống nước hồ-sữa..., vì vậy không nói riêng biệt. Trong Tứ Phần Luật nói ăn uống có bốn loại, ba loại trước như đã nói, thêm vào thứ tự khất thực. Trong Trí Độ Luận nói ăn uống có năm loại, không nói đến ăn đúng pháp thì không ăn sau bửa ăn. Trong trú xứ có sáu loại, căn cứ vào Trí Độ Luận nói năm loại, trừ ra đúng pháp thuận theo mà ngồi. Trong kinh Niết bàn và Tứ Phần Luật, đều nói đủ sáu loại, trừ ra đúng pháp thuận theo mà ngồi. Trong kinh Niết bàn và Tứ Phần Luật, đều nói đủ sáu loại. Nay căn cứ vào các Bộ thì tất cả có mười sáu loại.

Còn trong luận Thập Trú Tỳ Bà Sa: "Mười hai hạnh đầu đà có Danh và Thể hơi khác biệt: 1. Suốt đời khất thực; 2. Tiếp nhận A luyện nhã; 3. Mang y phấn tảo; 4. Ăn ngày một bửa; 5. Thường xuyên ngồi; 1. Sau bửa ăn không được uống phi thời; 7. Chỉ có ba y; 8. Y bằng lông thú; 9. Tuỳ nơi trải chỗ ngồi; 10. Ở dưới tán cây; 11. Ở nơi trống trải; 12. Ở nơi mồ mả.

Thứ nhất là suốt đời khất thực có mười điều lợi ích: 1. Sử dụng mạng sống tùy thuận nơi mình chứ không phụ thuộc về người khác; 2. Chúng sinh cho mình thức ăn thì khiến họ cúng dường Tam bảo rồi sau đó mới ăn; 3. Nếu có người cho mình thức ăn thì làm cho tâm Bi phát sanh, mình nên cố gắng tinh tiến khiến dễ dàng trú vào bố thí, thực hiện rồi mới ăn; 4. Vốn có tùy thuận lời Phật dạy; 5. Dễ đầy đủ dễ nuôi dưỡng; 6. Thực hành pháp phá trừ kiêu mạn; 7. Thiện căn không trông thấy đỉnh cao; 8. Thấy mình là người xin ăn, người khác có tu thiện pháp cũng sẽ bắt chước mình; 9. Không cùng với đàn ông lớn nhỏ phát sinh những nhân duyên quan hệ; 10. Bởi vì theo thứ tự khất thực, ở giữa chúng sinh phát sinh tâm niệm bình đẳng chính là chủng tử giúp cho Nhất thiết trí.

Thứ hai là tiếp nhận nơi chốn A luyện nhã cũng có mười điều lợi ích: 1. Đi lại không bị ràng buộc; 2. Không có mình cũng không có cái của mình; 3. Tùy theo ý muốn mà cư trú không có gì chướng ngại; 4.

tâm trở nên vui với thói quen ở A luyện nhã; 5. Ở nơi ít ham muốn ít quan hệ; 6. Không tiếc thân mạng làm cho đầy đủ công đức; 7. Xa lìa mọi chuyện trò ồn ào; 8. Tuy làm công đức mà không mong cầu báo đền ơn nghĩa; 9. Tùy thuận thiền định để được nhất tâm; 10. Ở nơi trống vắng dễ dàng phát sinh ý tưởng không có gì chướng ngại.

Thứ ba là mang y phấn tảo cũng có mười điều lợi ích: 1. Không dùng y phục hòa lẫn với người tại gia; 2. Không vì y phục mà hiện rõ tướng cầu xin y phục; 3. Cũng không dùng phương tiện nói ra tướng có được y phục; 4. Không vì y phục mà cầu xin khắp nơi; 5. Nếu không có được y phục thì cũng không buồn; 6. Có được y phục cũng không vui; 7. Vật hèn mọn dễ có được mà không có gì lo sợ lỗi lầm; 8. Thuận theo công hạnh bắt đầu tiếp nhận pháp tứ y; 9. Phù hợp ở trong những nơi áo quần thô kệch; 10. Không bị người khác tham trước.

Thứ tư là ăn một ngày một bữa cũng có mười điều lợi ích: 1. Không có sự mệt mỏi khổ sở vì mong cầu ăn bữa thứ hai; 2. Không quan trọng lắm đối với những sự thọ dụng; 3. Không có gì làm cho phải mỏi mệt khổ sở; 4. Trước khi ăn không có gì mệt mỏi khổ sở; 5. Phù hợp đối với tế hạnh trong cách ăn uống; 6. Thức ăn dễ tiêu hóa sau khi ăn; 7. Ít gặp tai họa gây trở ngại; 8. Ít gặp phải tật bệnh; 9. Thân thể nhẹ nhàng nhanh nhạy; 10. Thân cảm thọ vui vẻ thư thái.

Thứ năm là thường xuyên ngồi cũng có mười điều lợi ích: 1. Không ham sự vui sướng nơi thân; 2. Không ham sự ưa thích ngủ nghỉ; 3. Không ham sự vui thích đồ nằm; 4. Không nằm thì sườn dính chiếu cảm thấy đau; 5. Không tùy theo ham muốn của thân thể; 6. Ngồi thiền được dễ dàng; 7. Dễ dàng đọc tụng kinh pháp; 8. Ít ngủ nghỉ; 9. Thân dễ dàng đứng dậy; 10. Tâm ít mong cầu đồ dùng ngồi nằm và y phục.

Thứ sáu là sau bửa ăn không được uống phi thời cũng có mười điều lợi ích: 1. Không ăn nhiều; 2. Không ăn no; 3. Không ham vị ngon; 4. Ít mong cầu ham muốn; 5. Ít tai họa gây trở ngại; 6. Ít tật bệnh; 7. Dễ dàng vừa lòng; 8. Dễ dàng nuôi dưỡng; 9. Biết vừa đủ; 10. Ngồi thiền tụng kinh thân thể không mệt mỏi uể oải.

Thứ bảy là chỉ có ba y cũng có mười điều lợi ích: 1. Ngoài ba y không mong cầu thọ nhận làm cho quá đổi mệt mỏi; 2. Không có gì phải giữ gìn quá sức mệt mỏi; 3. Vật cất giữ không nhiều; 4. Chỉ có mặt kín thân thể là đủ; 5. Giới hạnh vi tế luôn luôn thực hành; 6. Đi lại không vướng bận gì; 7. Thân thể nhẹ nhàng nhanh nhẹn; 8. Tùy thuận ở nơi chốn A luyện nhã; 9. Khắp nơi đi đến không có gì tiếc rẻ; 10. Tùy thuận thực hành theo đạo.

Thứ tám là nhận y bằng lông thú cũng có mười điều lợi ích: 1. Thuộc về những y phục thô kệch; 2. Ít những sự mong cầu; 3. Tùy theo ý muốn có thể ngồi; 4. Tùy theo ý muốn có thể nằm; 5. Giặt giũ dễ dàng; 6. Lúc nhuộm màu cũng dễ dàng; 7. Ít có côn trùng làm hỏng; 8. Khó hư hỏng; 9. Không nhận thêm y khác; 10. Không mất chí nguyện cầu đạo.

Thứ chín là tùy nơi trải chỗ ngồi cũng có mười điều lợi ích: 1. Không quá mệt mỏi vì mong cầu ở nơi tinh xá tốt đẹp; 2. Không quá mệt mỏi vì mong cầu đồ dùng ngồi nằm tốt đẹp; 3. Không làm phiền người bậc trên; 4. Không làm cho người dưới phải buồn rầ phiền muộn; 5. Ít ham muốn; 6. Ít tai họa; 7. Thuận theo có được mà sử dụng; 8. Ít sử dụng thì ít ham muốn; 9. Không gây ra nhân duyên tranh cãi đúng sai; 10. Không giành lấy vật dụng của người khác.

Thứ mười là ở dưới tán cây cũng có mười điều lợi ích: 1. Không có sự mệt mỏi quá sức vì mong cầu nhà cửa; 2. Không có sự mệt mỏi vì mong cầu đồ dùng ngồi nằm; 3. Không có sự mệt mỏi quá sức vì những điều yêu thích; 4. Không có sự mệt mỏi quá sức vì hưởng thụ; 5. Không quan tâm đến tên tuổi; 6. Không có tai họa đấu tranh; 7. Tùy thuận với pháp Tứ y; 8. Ít mà dễ dàng có được không sai lầm gì; 9. Tùy thuận công hạnh tu đạo; 10. Không có nhiều người làm cho ồn ào.

Thứ mười một là ở nơi mồ mả cũng có mười điều lợi ích: 1. Thường xuyên có thể nghĩ đến lẽ vô thường; 2. Thường xuyên có thể nghĩ đến cái chết; 3. Thường xuyên có thể nghĩ đến sự bất tịnh; 4. Thường xuyên có thể nghĩ đến tất cả thế gian không đáng vui thích; 5. Thường được xa lìa tất cả những người yêu thích; 6. Thường được có tâm Bi; 7. Xa lìa sự trêu ghẹo ngạo nhạo báng; 8. Tâm thường chán ngán lìa xa; 9. Chịu khó thực hành tinh tiến; 10. Có năng lực loại trừ tâm lý sợ hãi.

Thứ mười hai là ngồi nơi trống trải cũng có mười điều lợi ích: 1. Không mong cầu ở dưới tán cây; 2. Lìa xa những gì mình có; 3. Không có sự tranh cải đúng sai; 4. Nếu đi nơi khác thì không có gì tiếc nuối; 5. Ít trêu ghẹo nhạo báng; 6. có thể chịu đựng được gió mưa lạnh nóng và các loài ruồi muỗi trùng độc; 7. Không bị âm thanh chua chát chói tai làm cho tổn thương; 8. Không làm cho mọi người làm cho sanh lòng sân hận; 9. Tự mình cũng không có sầu lo oán hận; 10. Nơi không có nhiều người qua lại ồn ào."

Còn trong Kinh Bảo Lương nói: "Đức Phật bảo với Ca Diếp: Nếu Tỳ kheo muốn đến ở chốn A lan nhã, thì nên nghĩ về . Những gì là ? Đó là: 1. Mình nên xả thân; 2. Cần phải xả mạng; 3. Nên xả bỏ lợi dưỡng; 4. Xa lìa tất cả những nơi hưởng thị vui sướng; 5. Chết ở giữa núi rừng

nên giống như cái chết hiên ngang; 6. Ở nơi A lan nhã nên tiếp nhận A lan nhã hạnh; 7. Nên theo pháp mà tự nhiên sinh hoạt; 8. Không vì phiền não mà tự sinh hoạt."

***Thứ tư:* Lợi Ích.**

Như kinh Đại Bảo Tích nói: Bồ tát tu định lại có mười pháp không giống với Nhị thừa. Những gì là mười pháp? Đó là: 1. Tu định không có nhân ngã, vốn đầy đủ các thiền định của Như Lai; 2. Tu định không phân biệt không đắm trước, xa lìa tâm nhiễm ô không cầu niềm vui cho bản thân; 3. Tu định đầy đủ các sự nghiệp thần thông, vốn là để biết tâm hành của chúng sinh; 4. Tu định để biết rõ tâm của chúng sinh, vốn là độ thoát cho tất cả mọi chúng sinh; 5. Tu định thực hành Đại Bi, vốn là đoạn trừ kết nghiệp phiền não cho các chúng sinh; 6. tu định là các thiền Tam Muội, vốn dễ dàng biết rõ vào ra vượt qua ba cõi; 7. Tu định luôn luôn được tự tại, vốn đầy đủ tất cả các thiện pháp; 8. Tu định thì tâm tư vắng lặng rỗng rang, vốn hơn hẳn các thiền Tam Muội của Nhị thừa; 9. Tu định thường phù hợp trí tuệ, vốn vượt qua các thế gian đến bến bờ giải thoát; 10. Tu định có năng lực phát huy chánh pháp, tiếp nối xây dựng Tam bảo làm cho không thể đoạn tuyệt. Tu định như vậy, không giống với hàng Thanh văn-Bích chi Phật."

Còn trong kinh Lục Độ Tập nói: "Lại có bốn loại thiền định đầy đủ trí tuệ. Những gì là bốn loại? Đó là: 1. Thường thích ở một mình; 2. Thường vui với nhất tâm; 3. Cầu thiền định và thần thông; 4. cầu Phật trí vô ngại."

Còn trong kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói: "Đức Phật dạy: Nếu có Bồ tát, trú vào hạnh ngồi yên lặng suy tư, thì có 10 lợi ích. Những gì là mười loại? Đó là: 1. Tâm tư không vẫn đục; 2. Dừng lại không buông thả; 3. Chư Phật ba đời yêu thương che chở; 4. Tin tưởng thực hành theo chánh pháp; 5. Không nghi ngờ đối với Phật trí; 6. Biết ân đức và đền đáp ân đức; 7. Không bài báng chánh pháp; 8. Luôn luôn cố gắng phòng ngừa giữ gìn; 9. Đến phạm vi điều phục. 10. Chứng bốn trí vô ngại."

Trong kinh Đức Phật lại dạy: "Nếu có Bồ tát yêu thích nhàn rỗi thư thái thì có mười loại lợi ích. Những gì là mười loại? Đó là: 1. Nhận ra sự việc thế gian; 2. Xa lìa mọi sự náo nhiệt; 3. Không có tranh cãi sai trái; 4. An trú nơi không có phiền muộn; 5. Không tăng thêm hữu lậu; 6. Không dấy lên tranh cãi đúng sai; 7. An trú trog im lặng; 8. Tùy thuận nối tiếp nhau với giải thoát; 9. Mau chóng chứng giải thoát; 10. Có công thực hành mà đạt được Tam Muội."

Trong kinh Đức Phật lại dạy: "Nếu Bồ tát có năng lực cùng tương

ưng với thiền thì có mười loại lợi ích. Những gì là mười loại? Đó là: 1. An trú trong nghi thức; 2. Cảnh giới thực hành Từ hạnh; 3. Không có những điều phiền muộn; 4. Bảo vệ các căn; 5. cảm được các món ăn vui thích; 6. Xa lìa ái dục; 7. Tu thiền không trống rỗng; 8. Giải thoát được lưới ma; 9. An trú trong cảnh giới Phật; 10. Giải thoát được thành tựu."

Trong kinh Đức Phật lại dạy: "Nếu có Bồ tát vui với hạnh đầu đà khất thực thì có mười loại lợi ích. Những gì là mười loại? Đó là: 1. Bẻ gãy cột cờ ngã mạn; 2. Không mong cầu thân ái; 3. Không vì danh tiếng; 4. Trú vào trong dòng Thánh; 5. Không nịnh hót không lừa dối không hiện bày tướng kỳ dị, cũng không ngạo mạn; 6. Không tự nâng cao mình; 7. Không phỉ báng người khác; 8. Đoạn trừ yêu ghét; 9. Nếu đến nhà người thì không cầu ăn uống mà vì thực hiện pháp thí; 10. Có giảng nói pháp gì cũng được người ta tin nhận."

Còn trong luận Trí Độ nói: "Tam muội có hai loại: 1. Phật; 2. Bồ tát. Những Bồ tát này ở trong Tam muội của Bồ tát đạt được tự tại, chứ không phải Tam muội của Phật. Như trong kinh Chư Phật Yếu Tập giải thích rằng: Văn Thù Sư Lợi mong muốn gặp được chư Phật quy tụ nhưng không thể nào đến được. Chư Phật đều trở về trú xứ của mình, Văn Thù Sư Lợi đến nơi chư Phật quy tụ, có một người nữ, ngồi gần Đức Phật mà tiến vào trong Tam muội. Văn Thù Sư Lợi bước đến lễ dưới chân Đức Phật rồi, thưa với Đức Phật rằng: Vì sao người nữ này được ngồi gần Đức Phật, mà con thì không được: Đức Phật bảo với Văn Thù Sư Lợi rằng: Ông thức tỉnh người nữ này khiến từ Tam muội đứng lên, ông hãy tự nói điều đó. Văn Thù Sư Lợi liền bật ngón tay để thức tỉnh mà không thể thức tỉnh được, dùng tiếng lớn kêu gọi cũng không thể thức tỉnh, nắm tay kéo cũng không thể thức tỉnh, lại dùng thần thông làm chấn động Đại thiên thế giới cũng không thức tỉnh. Văn Thù Sư Lợi thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn, con không thể nào làm cho thức tỉnh được. Lúc này Đức Phật phát ra ánh sáng to lớn soi chiếu thế giới Hạ phương, trong thế giới ấy có một Bồ tát, tên là Khí Chư cái, lập tức từ Hạ phương xuất hiện đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lễ dưới chân Đức Phật rồi đứng ở một phía. Đức Phật bảo với Bồ tát Khí Chư Cái: Ông hãy đánh thức người nữ này! Bồ tát lập tức bật ngón tay, người nữ này từ Tam muội mà đứng dậy. Văn Thù Sư Lợi thưa với Đức Phật: Vì nhân duyên gì con làm chấn động ba ngàn Đại thiên thế giới mà không thể nào khiến cho người nữ nãy đứng dậy, nhưng Bồ tát Khí Chư Cái bật ngón tay liền từ Tam muội mà đứng dậy? Đức Phật bảo với Văn Thù Sư Lợi: Ông nhờ người nữ này mới phát tâm Bồ đề, người nữ này nhờ vào

Bồ tát Khí Chư Cái mới phát tâm Bồ đề, vì lý do này cho nên ông không có năng lực làm cho thức tỉnh, ông ở trong Tam muội của chư Phật chưa có đủ công đức, Bồ tát Khí Chư Cái này ở trong Tam muội được tự tại. Trong Tam muội của Phật bắt đầu tiến vào ít nhiều mà chưa được tự tại cho nên vậy thôi."

***Thứ năm:* Định Chướng.**

Như trong kinh Thiền Bí Yếu nói: "Tỳ kheo ở nơi A luyện nhã bởi vì năm loại sự cố mà phát điên: 1. Bởi vì âm thanh làm hỗn loạn; 2. Bởi vì danh vọng xấu xa; 3. Bởi vì lợi dưỡng; 4. Bởi vì cảnh sắc bên ngoài; 5. Bởi vì thái độ bên trong. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bèn thuyết thần chú rằng: Nam mô Phật đà, nam mô Đạt ma, nam mô Tăng già, nam mô ha ra lê sư, tỳ xà la xà, ái đốt đà đạt đà, bà mãn đà, phệ xà la sí, đà la quật đồ thệ đồ già lợi già lợi, ma ha già lợi hu ma lợi hu ma lặc sí, tất đam bính diêm bính, a diêm bính lợi, cứu cúc cúc sí, tát bà đà la ni sí, a phiến đề ma câu ma nghệ hu di hu di ma hu ma hu, ma bà sa ha.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết thần chú này xong, nói cho Xá Lợi Phất biết rằng: Thần chú như vậy vô lượng chư Phật quá khứ đã thuyết, nay ta hiện tại cũng thuyết. Thnầ chú như vậy có công đức như Tự Tại Thiên, có căng lực làm cho các Tỳ kheo xấu xa trong năm trăm năm hậu thế được thanh tịnh tâm ý, điều hòa dễ dàng đối trị sự tăng giảm của bốn đại, cũng chữa trị 404 mạch của 404 căn bệnh trong tâm đã dấy lên chủng tử của tánh dục gần 98 sử làm hỏng thế giới, cũng sửa trị nghiệp chướng phạm giới làm cho mọi ác niệm vĩnh viễn trừ sạch không sót lại gì. thần chú này gọi là Đà la ni dễ dàng chữa trị 72 loại bệnh ưu sầu phiền muộn, cũng gọi là Đà la ni trừ bỏ năm loại bóng tối vô minh căn bản, cũng gọi là hiện ngay trước mắt được thấy chư Phật và các vị Thanh văn thuyết về pháp chân thật để phá trừ mọi kết sử phiền não."

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 6 chuyện: 1. Sa môn Chi Đàm Lan thời Tấn; 2. Sa môn Thích huyền Cao thời Tống; 3. Sa môn Thích Phổ Đằng thời Tống; 4. Sa môn Thích Tăng Thù thời Tề; 5. Sa môn Thích Pháp Tiến thời Tùy; 6. Sa môn Thích Tuệ Dung thời Đường.

1. Thời nhà Tấn có Chi Đàm Lan ở núi Xích Thành-Thỉ Phong, là người vùng Thanh Châu, ăn cơm rau vui với thiền, học thuộc lòng ba mươi vạn lời. Trong thời Tấn Thái Nguyên thường qua lại huyện Diệm thuộc tỉnh Chiết Giang, sau nghỉ lại núi Xích Thành-Thỉ Phong, thấy một nơi rừng vắng suối trong bèn cư trú nơi ấy. Trải qua mấy ngày,

bỗng nhiên gặp một người cao lớn vô cùng, gọi Đàm Lan bảo đi nơi khác. Lại thấy các loài cầm thú hình dạng lạ kỳ đến dọa nạt Đàm Lan, thấy Đàm Lan tự nhiên thoải mái, bèn quỳ gối mà lễ lạy thưa rằng: Châu Khi Vương là nhà cậu, nay đến núi Vi Hương cư trú, nhường nơi này để tỏ lòng tôn trọng lẫn nhau. Từ đó về sau khoảng 3 năm bỗng nhiên nghe tiếng xe ngựa văng vẳng rộn ràng, người đi theo đầy núi. Chốc lát có người quấn khăn bịt đầu xưng là Châu Khi Vương, tất cả đã tiến lên theo vợ con người ấy cùng hai mươi ba người trai gái, hình dáng và tướng mạo đều đoan chánh hơn hẳn người thế gian. Đã đến chỗ Đàm Lan trò chuyện thăm hỏi nhau xong, Đàm Lan hỏi cư trú nơi nào? Đáp rằng: ở núi Vi Hương huyện Lạc An, đã lâu mến phục và vốn có hỏi thăm, nay cùng cả nhà tìm đến nương nhờ, xin thọ giới quy y. Đàm Lan liền giảng dạy trao cho. Thọ giới pháp xong, cúng dường một vạn đồng tiền và hai bình mật, rồi từ biệt mà ra đi, liền nghe tiếng đàn reo rắt vang lên làm rung động khe núi. Đàm Lan cùng thiền chúng hơn mười người đều nghe thấy. Vào giữa thời Tấn Nguyên Hi, tạ thế ở hang núi, hưởng thọ 83 tuổi.

2. Thời Tống Nguỵ Nguỵ ở Bình Thành có Thích Huyền Cao, họ Nguỵ, vốn tên là Linh Dục, người gốc Vạn Niên-Bằng Dực. Mẹ là người họ Khấu vốn thờ ngoại đạo, bắt đầu đi lấy chồng người họ Nguỵ, đầu tiên mang thai sinh được một cơ con gái, chính là chị đầu của Huyền Cao. Sinh ra thì tin theo Phật, mới cầu nguyện cho mẹ, nguyện trong nhà không có tà kiến nhất định phụng thờ Đại pháp. Bà mẹ vào năm thứ 3 thời Hoằng Thỉ-Nguỵ Tần, mộng thấy Tăng người Hồ rải hoa khắp nhà, tỉnh giấc liền cảm thấy có thai. Đến ngày mồng 8 tháng 2 năm Hoằng Thỉ thứ 4 sinh được một cậu con trai, trong nhà bỗng nhiên có mùi hương kỳ lạ, và ánh sáng chiếu rọi tường nhà, đến sáng sớm mới hết. Mẹ sinh con ra thấy điềm lành xuất hiện, nhân đó gọi là Linh Dục. Người lúc ấy tôn trọng, lại xưng là Thế Cao. Năm 12 tuổi xin cha mẹ đi vào núi, lâu lắm mà cha mẹ không đồng ý. Một ngày nọ có một người học trò ở nhờ qua đêm trong nhà Thế Cao, nói rằng muốn đi vào ở ẩn thường xuyên trong núi, cha mẹ liền cho Thế Cao đi theo, đêm ấy đều thấy người trong thôn cùng nhau đến đưa tiễn. Sáng sớm người trong thôn cùng đến thăm hỏi Thế Cao, cha mẹ nói rằng: Đêm qua đã tiễn đưa nhau, bây giờ lại tìm ư? Người trng thôn nói: Tất cả đều không biết là sẽ đi, lẽ nào có ai đã đưa tiễn? Cha mẹ mới hiểu ra đêm qua mọi người đưa đón chính là người thần.

Thế Cao đã rời bỏ thế tục, đổi tên gọi là Huyền Cao, thông minh

phát ra trí tuệ nên học không phải suy nghĩ gì thêm, đến năm 15 tuổi đã thuyết pháp cho Sơn Tăng. Về sau thọ giới luôn luôn tập trung vào thiền-luật, nghe ở vùng Quan Trung có thiền sư Phù Đà Bạt đang hoằng pháp ở chùa Thạch Dương, Huyền Cao tìm đến chỗ thiền sư, trong mười ngày khéo thông suốt pháp thiền một cách kỳ lạ. Phù đà Bạt khen rằng: Tốt lành thay Phật tử, mới có thể hiểu sâu sắc như vậy! Thế là Phù Đà Bạt khiêm tốn rút lui không nhận lễ nghi làm thầy. Huyền Cao bèn tiếp tục đi về Tây Tần ẩn cư trong núi Mạch Tích, người theo học rất đông, tất cả đều chú trong ý nghĩa dạy bảo, tiếp nhận thiền đạo sâu xa. Lúc ấy có Sa môn Thích Đàm Hoằng ở Trường An, là bậc cao túc của nước Tần, ẩn tại núi này cùng với Huyền Cao gặp nhau, lấy làm bạn đồng nghiệp. Lúc này có Khất Phục Xí Bàn Khoa ở Lũng Tây, phía Tây tiếp cận với lãnh thổ nước Lương, thường có học trò theo học hơn ba người. Có Huyền Thiện là người vùng Lũng Tây-Tần Châu, học hỏi suy xét kỹ về các thiền pháp, thần lực tự tại, ngón tay tuôn nước cung cấp cho Huyền Cao tắm rửa sử dụng, nước ấy sạch và thơm gấp bội bình thường; mỗi khi có được hương hoa kỳ lạ đều dùng cúng dường Tam bảo. Linh thiêng kỳ lạ như Huyền Thiệu có mười một người. Về sau Huyền Thiệu vào núi Đường Thuật thoát xác mà qua đời. Sau đó Huyền Cao cùng với Đàm Hoằng bèn đi về Hà Nam, Quốc Vương và thần dân đứng bên đường đợi chờ đón tiếp, trong ngoài cung kính tôn sùng làm vị Quốc sư. Ở Hà Nam giáo hóa xong tiếp tục đi qua lãnh thổ nước Lương, Tử Cừ Mông Tốn tự mình rất cung kính hầu hạ, quy tập người có tài năng trí tuệ gợi mở sự hiểu biết tốt đẹp cao xa. Lúc ấy ở Tây Hải có Phàn Tăng Ấn, cũng theo Huyền Cao tiếp nhận học hỏi, chí hướng hẹp hòi lòng dạ không bao dung, đạt được chút ít cho là đủ, liền nói là mình đã đạt được La Hán thông suốt tận cùng thiền môn. Huyền Cao bèn bí mật dùng thần lực, khiến cho Tăng Ấn ở trong định thấy đầy đủ chư Phật khắp mười phương tếh giới đã thuyết giảng vô lượng pháp môn khác nhau. Tăng Ấn suốt một mùa Hạ tìm kiếm những điều đã thấy ấy nhưng vĩnh viễn không thể nào hết được, mới biết rằng dòng nước định không có nơi cuối cùng, sanh lòng vô cùng hổ thẹn sợ hãi.

Lúc ấy Nguỵ Lỗ là Thác Bạt Đào chiếm cứ Bình Thành, đưa quân xâm lấn khu vực thuộc nước Lương, cậu của Thác Bạt Đào là Dương Bình Vương cố tình thỉnh cầu Huyền Cao cùng trở về Nguỵ Đô. Đã đến Bình Thành thì pháp hóa được lưu thông rộng rãi. Nguỵ Thái Tử là Thác Bạt Hoảng thờ kính Huyền Cao làm thầy. Thác bạt Hoảng trong một lúc gặp phải gièm pha nên bị cha mình nghi ngờ, bèn bày tỏ với Huyền

Cao rằng: Lưới trời lồng lộng oan ức do đâu cởi bỏ? Huyền Cao khiến tổ chức trai hội Kim Quang Minh chân thành sám hối bảy ngày. Thác Bạt Đào liền mộng thấy ông nội và cha mình đều cầm gươm vô cùng uy dũng mà hỏi: Vì sao ông tin lời gièm pha nghi ngờ oan ức cho Thái Tử? Thác Bạt Đào giật mình tỉnh giấc, triệu tập tất cả quần thần nói cho biết giấc mộng mà thần linh đã nói sự việc như thế. Các quan đều nói: Thái Tử không có lỗi, thật sự như Hoàng đế linh thiêng giáng mộng báo cho biết. Thế là Thác Bạt Đào đối với Thái Tử không còn nghi ngờ gì nữa, chính là nhờ năng lực chân thành của Huyền Cao cảm ứng.

Lúc ấy Thôi Hạo và Khấu Thiên Sư trước đây cùng được Thác Bạt Đào tin dùng, sợ rằng Thác Bạt Hoảng đến lúc lên ngôi kế thừa thì làm mất đi uy quyền của mình, bèn gièm pha rằng: Sự việc trước đây thật sự Thái Tử có tâm mưu cầu, nhưng kết thân với Huyền Cao có lắm đạo thuật, cho nên khiến Tiên Đế giáng mộng như vậy, điều này luận về dấu tích của sự việc thì có phần biểu hiện bên ngoài, nếu không loại trừ thì làm hại rất lớn. Thác Bạt Đào liền thu nhận, hầm hầm tức giận, lập tức truyền lệnh bắt giữ Huyền Cao. Huyền Cao trước đó đã bí mật nói cho đệ tử biết rằng: Phật pháp sẽ suy vong, ta và Sùng Công sẽ gặp tai họa đầu tiên. Lúc ấy mọi người nghe như vậy không có ai là không xúc động. Bấy giờ ở Lương Châu có Sa môn Thích Tuệ Sùng, là bậc thầy trong nhà Thượng thư Hàn Vạn Đức của Nguỵ Nguỵ, đức đã đứng sau Huyền Cao, cũng bị nghi ngờ bắt giữ. Đến thnág 9 năm thứ 5 thời Nguỵ Thái Bình, Huyền Cao và Sùng Công đều bị giam vào ngục tối, ngày 15 tháng ấy thì tai họa xảy ra, qua đời ở góc phía Đông của Bình Thành, hưởng thọ 43 tuổi, năm này là năm thứ 21 thời Tống Nguyên Gia. Vào đêm ấy mọi người không hề hay biết, canh ba đêm này bỗng nhiên thấy ánh sáng vòng quanh ba vòng nơi tòa tháp là trú xứ trước kia của Huyền Cao rồi trở lại tiến vào trong hang thiền, nhân đó nghe trong ánh sáng có tiếng nói rằng: Ta đã qua đời rồi. Các đệ tử mới biết rằng đã hóa thân, gào khóc đau xót khổ sở vô cùng. Sau đó đón thi hài đến cánh đồng hoang vắng ở phía Nam thành, tắm rửa mà tẩm liệm, và lo việc mai táng Sùng Công, ở một nơi khác. Kẻ đạo người tục ở chốn đô thành đều thở than hĩa hùng. Đệ tử là Huyền Sướng lúc ấy ở Vân Trung, cách Nguỵ Đô 600 dặm, sáng sớm bỗng nhiên gặp một người nói cho biết biến cố này, vẫn cung cấp cho con ngựa đi suốt 600 dặm. Thế là vung cao roi thúc ngựa mà trở về, buổi tối về đến đô thành thấy thầy đã qua đời, đau xót quá độ không làm sao nói được, nhân đó cùng với bạn đồng học khóc lóc nói rằng: Pháp nay đã diệt có thể hưng khởi

trở lại, không giống như có thể tiếp tục hưng khởi, xin Hòa thượng ngồi dậy, đức hạnh của Hòa thượng không phải là người bình thường, chắc chắn sẽ hiểu rõ điều ấy rồi. Nói xong đôi mắt Huyền Cao hơi mở ra, sắc diện sáng ngời trở lại, thân thể toát mồ hôi có mùi thơm ngào nạgt. Trong chốc lát ngồi dậy nói với đệ tử rằng: Đại pháp ứng hóa thuận theo duyên thịnh suy, thịnh suy thuộc về dấu tích mà lý luôn luôn sâu xa như thế, chỉ nghĩ đến các ông không bao lâu lại phải giống như ta mà thôi, chỉ có Huyền Sướng trước mắt có thể đi qua phía Nam, các ông sau khi chết thì pháp sẽ hưng sùng trở lại, cố gắng tự mình tu tâm không để cho giữa chừng hối hận. Nói xong liền nằm xuống lập tức ngừng thở. Sáng sớm di chuyển linh cửu sắp hỏa thiêu, trong nước quy định không cho phép, thế là sự việc lập tức chuyển sang mai táng, đạo tục đau xót kêu than khóc lóc không sao kể xiết. Có Sa môn Pháp Đạt, làm Tăng chánh của nước Nguỵ, kính trọng Huyền Cao lâu ngày mà chưa được tiếp nhận học hỏi, bỗng nhiên nghe đã qua đời vì vậy mà khóc lóc nói rằng: Thánh nhân qua đời, nay biết nương dựa vào đâu? Nhiều ngày không ăn uống, thường gọi Cao thượng Thánh nhân tự tại, sao có thể không hiện thân một lần? Thuận theo tiếng trông thấy Huyền Cao bay giữa hư không mà đến. Pháp đạt đảnh lễ xót xa van xi, mong được cứu giúp. Huyền Cao nói: Ông nghiệp nặng khó mà cứu giúp, nên biết làm sao được, từ nay về sau dựa vào kinh Phương Đẳng mà khẩn cầu sám hối, sẽ được nhẹ tội. Pháp Đạt nói: Nếu như phải chịu khổ báo thì nguyện được thương xót cứu giúp. Huyền Cao nói: Không quên tất cả lẽ nào chỉ có một mình ông? Pháp Đạt lại nói: Pháp sư và Sùng Công sinh nơi nào? Huyền Cao nói: Ta nguyện sinh vào đời ác trược để cứu giúp chúng sinh, tức là ta sanh trở lại cõi Diêm Phù; Sùng Công thường cầu mong về cõi An Dưỡng, đã đạt được tâm nguyện rồi. Pháp Đạt lại hỏi: Không biết Pháp sư đã ở tầng bậc của Địa nào? Huyền Cao nói: Các đệ tử của ta tự nhiên có người biết. Nói xong bỗng nhiên không thấy nữa. Pháp Đạt âm thầm hỏi thăm các đệ tử của Huyền Cao, tất cả đều nói: Đúng là đạt đến pháp Nhẫn của Bồ tát. Đến năm thứ 7 thời Nguỵ Thái Bình, Thác Bạt Đào quả nhiên hủy diệt Phật pháp, tất cả đều như lời Huyền Cao đã nói.

3. Thời nhà Tống ở nước Thục có Thích Phổ Hằng trú tại chùa An Lạc, họ Quách, người vùng Thành Đô thuộc quận Thục. Lúc còn là trẻ thơ, đã từng ở giữa ánh sáng mặt trời ban ngày trông thấy Thánh Tăng ở giữa vầng mây thuyết pháp, đến chỗ mọi người kể lại sự việc, nhưng mọi người đều không tin lời của trẻ thơ. Sau hết sức cầu xin xuất gia,

chỉ yêu cầu ở dưới chùa An Lạc, ở một mình một phòng không có người quen biết qua lại, luyện tập thiền định rất chu đá, dễ dàng nhập định-xuất định và an trú, cùng với Thao Luật Sư ở nước Thục trở thành người có ý nghĩ như nhau. Tự nói mình nhập Hỏa Quang tam muội, ánh sáng từ lông mày soi thẳng xuống đến phạm vi Kim Cang, ở trong ánh sáng nhìn thấy những cảnh tượng, nghiệp báo của thân đời trước cũngrất rõ ràng. Thời Tống Tăng Minh, người ta nói là lời nói đùa chứ không thật. Làm việc suốt ngày hơi có chút tướng trạng của bệnh tật, chỉ để một người tôi tớ trong nhà chăm sóc, sáng sớm ngồi yên lặng mà qua đời, tuy gập lại 3 ngón, thử vuốt theo thì duỗi ra nhưng duỗi ra rồi vẫn gập vào lại. Lúc sống thì thân thể đen sạm. Chết rồi thì tươi sáng trắng trẻo. Tếh là đại chúng y theo pháp đắc đạo mà làm lễ trà tỳ, chất củi vào bắt đầu chẩm lửa, thì có làn khói ngũ sắc bay lên, mùi thơm ngào ngạt kỳ lạ vô cùng. Châu Tưởng-Vương Huyền tải, bèn làm bài thơ ca ngợi rằng:

Đại giác mênh mông không hình tướng,
Cảm ứng sâu xa quý lặng yên,
Nhất niệm có thể đến đạo tràng,
Trôi qua trống rỗng vạn kiếp sai.
Tín tâm rỗng lặng tưởng Đông phương,
Gặp Thánh điển tô bóng Tây phương,
Diệu thú lắng trong tình ba cõi,
Chuyển thần thức đến cảnh bốn thiền.
Tình thế tục vốn thêm sai biệt,
Tánh chân như lý thường sáng tỏ,
Giấu tài gửi gắm đời tạm bợ,
Để lại đức lành mới hóa thân.

4. Thời nhà Tề có Sa môn Thích Tăng Trù ở chùa Vân Môn núi Tây Long thuộc vùng Nghiệp, họ Tôn, vốn sinh ra ở vùng xương Lê, cuối đời ở vùng Anh Đào-Cự Lộc, tánh thường trong sáng và hiếu tính nổi tiếng khắp vùng, mà chăm chỉ học hỏi sách vở thế gian thông thạo đầy đủ kinh sử, nhưng rồi căn cơ tu đạo giữ kín trong tâm bỗng nhiên bừng dậy chán ngán thế gian đầy phiền muộn khổ đau, một khi xem qua kinh Phật thì thần thức hiểu rõ tất cả. Ban đầu theo Thiền sư Đạo Phòng tiếp nhận học tập pháp môn Chỉ Quán, sau đó đến chỗ Thiền sư Đạo Minh tại núi Chướng Hồng-Triệu Châu tiếp nhận mười sáu pháp đặc biệt tốt đẹp nhất. Đã từng ở nơi vắng lặng thuộc Thước Sơn cảm được thần linh đến vây quanh, ôm vai xoa lưng làm cho khí lực xông lên trên đỉnh đầu, Tăng Trù tâm cần phải nguội lạnh nhờ đó chứng được định

sâu xa, chín ngày không đứng dậy. Sau đó từ trong định hiểu rõ tình và tưởng lắng trong đến cuối cùng gạt bỏ thế gian, làm cho không có gì vui thích, liền đến Thiền sư Tam Tạng ở chùa Thiếu Lâm trình bày sự chứng đạt của mình. Bạt Đà nói: Từ Thông Lĩnh đến phía Đông, đứng đầu về thiền học, ông là bậc nhất rồi. Thế là trao truyền những pháp hết sức quan trọng. Đến trú tại chùa Tung Nhạc, Tăng có một trăm người mà dòng suối vừa mới đủ nước sinh hoạt, bỗng nhiên thấy người phụ nữ áo quần rách rưới ôm cái chỗi mà lại ngồi trên bậc thềm nghe Tăng tụng kinh, mọi người không biết là người thần, liền quở mắng đuổi đi. Người phụ nữ có vẻ giận, dùng chân đạp làm cho dòng suối lập tức khô cạn, thân hình cũng không thấy. Mọi người đem sự việc trình bày với Tăng Trù. Tăng Trù gọi Ưu bà di, gọi ba lần mới xuất hiện, bèn nói với thần linh rằng: Chúng Tăng hành đạo nên ủng hộ thêm. Người phụ nữ dùng chân gạt ngang nơi dòng suối cũ, nước liền tuôn chảy. Lúc ấy mọi người đều hết sức kỳ lạ về uy nghi như vậy. Sau đó đến núi Vương Khuất ở phía Tây Hoài Châu tu tập pháp môn trước đây, nghe hai con hổ đánh nhau tiếng gầm gừ vang dội khắp ngọn núi, bèn dùng tích trượng chống đứng giữa hai con hổ, cả hai đều rời ra mà đi. Một hôm bỗng có hia quyển kinh của đạo Tiên nằm ở trên giường, Tăng Trù nói: Tôi vốn tu Phật đạo, lẽ nào câu thúc trong phạm vi của người trường sinh bất lão ư? Trong giây lát tự nhiên biến mất. Sự cảm ứng u hiển ấy đều tương tự như vậy. Lại chuyển đến núi Mã Đầu ở Hoài Châu, Nguỵ Hiếu Minh vốn có Thừa Lệnh Đức trước sau mời gọi ba lần, nhưng kiên quyết từ chối không đến. Lại chuyển đến núi Chuyển Thường ở phía Bắc, Thứ sử Định Châu là Lũ Duệ cùng với Vương Cao Du ở Bành Thành, thỉnh đến để thọ pháp, đạo tục tìm đến tặng lễ vật bổ sung thêm, bị danh lợi trói buộc, cho nên nói kệ ngăn lại, tất cả đều luôn luôn tiết kiệm. Năm thứ 2 niên hiệu Thiên Bảo thời Tề Văn Tuyên ban chiuế chỉ rằng:

Từ lâu nghe tin đức hạnh thường suy nghĩ gặp dịp bày tỏ, nay sắc lệnh cho Định Châu theo chỉ thị mời Sư đến Nghiệp Đô giáo hóa quần sanh hợp với chính nghĩa không cho phép chỉ lo riêng mình, mong rằng lập tức năm tích trượng tạm thời đi qua nhận lời rõ ràng, suy nghĩ cần phải truyền bá rộng rãi đạo pháp nhiệm mầu để cứu giúp khổ đau cho vùng này. Ngày đến đây nếu như cần phải trở lại núi, thì sẽ tùy ý đến mọi nơi không có gì ngăn ngại.

Tăng Trù sống ở núi lâu ngày quen với sự nghiệp cứu giúp suốt đời, nghe có sắc lệnh mời gọi rất ít khi nhận lời, khổ vì tự nhà vua chân thành nói cho biết nên mới lập tức bằng lòng. Ngay trong ngày thu xếp

hành trang sắp đi ra cửa núi thì hai bên núi bỗng nhiên kinh động, tiếng vang buồn đau thả thiết, người và súc vật run sợ hãi hùng, cầm thú bay nhảy chạy qua chạy lại nhốn nháo. Suốt ba ngày như vậy, Tăng Trù quay đầu lại nhìn, nói rằng: Ngưỡng mộ đạo pháp lòng đầy nhân ái cảm động tương tự như vậy, lẽ nào không phải tình thương yêu dễ nắm giữ mà sự phóng túng khó giữ gìn hay sao? Thế là không hẹn điều gì giữ lại mà chống tích trượng hướng về Chương Phẩu. Nhà vua tự mình đem xa giá ra ngoài cung thành đón tiếp, thiên hạ quay về điều thiện, đều nhờ vào Tăng Trù rồi. Lại đến chùa núi Vân Môn, phía trước hang thiền nơi cư trú có một hố sâu, thấy người thân hình đầy lông lá hết sức cao lớn mà tướng mạo là người Hồ, đặt nồi nhóm lửa, nước sắp sôi sục tuôn trào, chốc lát có con Mãng Xà to lớn, từ trong nước xuất hiện, muốn nhảy vào trong nồi. Tăng Trù dùng chân gạt nồi, con mãng xà liền vào trong nước, người lông lá cũng ẩn đi. Đêm ấy có vị thần xuất hiện, đảnh lễ Tăng Trù rồi thưa rằng: Đệ tử có con thơ năm nào cũng bị ác thần ăn thịt, các con thơ đều tiếc thân mạng không dám gánh vác trách nhiệm, đệ tử già yếu sắp chết, cho nên tự mình cung cấp thức ăn, được Sư bảo vệ cho nên thoát được tai nạn này. Tăng Trù lấy nước ngậm vào miệng rồi phun ra, bỗng nhiên biến thành mây mù. Lúc ấy có kẻ gièm pha Tăng Trù đối với Tuyên Đế mà ngạo mạn không hề tôn trọng. Tuyên Đế vô cùng giận dữ nên tự mình đến làm hại. Tăng Trù âm thầm biết rõ sự việc, từ nhỏ không đến nhà bếp của Tăng, bỗng nhiên không có việc gì mà đến ư? Ngày mai có khách quý đến, làm nhiều thứ để tiếp đãi chu đáo. Đến canh 5 chuẩn bị trước xe trâu, đi một mình đến cửa hang, cách chùa hơn hai mươi dặm, đứng trơ trọi một mình bên đường. Chốc lát Tuyên Đế đến, cảm thấy quái lạ bèn hỏi nguyên cớ thế nào? Tăng Trù nói: Sợ rằng thân bất tịnh chảy máu làm ô uế chốn già lam nên ở đây chờ đợi mà thôi. Tuyên Đế xuống ngựa lễ lạy cúi đầu thừa nhận hổ thẹn hối hận mãi không thôi, nói với Thượng thư lệnh Dương Tuân Ngạn rằng: Người chân thật như vậy sao có thể hủy báng được! Bèn tự mình cõng thân hình Tăng Trù đến chùa. Tăng Trù lên tiếng thuyết phục không nhận. Tuyên Đế nói: Đệ tử cõng thầy đi khắp thiên hạ chưa đủ để tạ tội. Nhân đó nói rằng: Thân đời trước đệ tử đã từng làm điều gì? Đáp rằng: Làm vua loài La sát, vì vậy nay hãy còn thích giết hại. Liền chú vào chậu nước khiến Tuyên Đế tự nhìn mình, trông thấy hình ảnh của mình giống như La sát vậy. Hằng năm vào ngày đầu năm thường hỏi điều lành dữ suốt trong một năm. Sau đến năm thứ mười hiệu Thiên Bảo, nói rằng: Năm nay không tốt lắm đâu. Tuyên Đế

không vui lắm, bèn hỏi Sư lại như thế nào? Đáp rằng: Bần đạo cũng không bao lâu. Đến tháng 10 Tuyên Đế băng hà, sang năm tức là năm thứ nhất niên hiệu Càng Minh nhà Tề, vào giờ Thìn ngày 13 tháng 4, từ trần mà không bệnh hoạn khổ sở gì, ngồi nghiêm trang qua đời tại chùa núi, hưởng thọ 81 tuổi. Lúc đang từ giã cõi đời có mùi hương kỳ lạ tỏa ngát trong chùa, người ngửi thấy có vẻ sợ hãi, truyền lệnh an ủi ân cần, khiến y pháp trà tỳ trong nước, bốn bộ chúng đầy núi-người đưa tiễn gồm mấy vạn, củi thơm ngàn gánh, đúng giờ Ngọ dùng lửa châm vào,đạo tục đau thương quá độ tiếng khóc vang động núi rừng. Lúc đưa lên đài hỏa táng có bầy chim trắng mấy trăm con lượn vòng trước làn khói cất tiếng kêu đau xót vô cùng, lúc di chuyển mới bay đi. Vẫn ở tại phía Tây Bắc của chùa xây tòa tháp bằng gạch, đã từng có cảnh tượng linh thiêng mùi hương kỳ lạ ứng hiện đối với đạo tục. Ngày còn khoẻ mạnh Tuyên Đế nói với Tăng Trù rằng: Đệ tử chưa thấy cảnh tượng linh thiêng kỳ lạ của Phật, có thể được nhìn thấy hay không? Tăng Trù nói: Điều này không phải là Sa môn mà được. Tuyên Đế liền nài nĩ mãi, bèn ném ca sa vào đất, Tuyên Đế sai mấy chục người nâng lên nhưng không thể nào lay chuyển được. Tăng Trù bảo Sa di lấy lên, dễ dàng không có gì là nặng nề cả, vì vậy hết lòng tin theo ngày càng sâu đậm.

Bốn chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

5. Thời nhà Tùy có Sa môn Thích Pháp Tiến ở chùa núi Hưởng Ứng vùng Ích Châu, không biết dòng họ nào, là đệ tử của Thiền sư Huy, thường vào rừng trúc ngồi thiền, có bốn con hổ đi vòng quanh ở hai bên, Sư nói đừng tiết ra những vật bất tịnh. Sau đó sư dạy làm lều tranh nghỉ chân uống nước. Mọi người đi lấy củi, thấy trước giường dây có nước trong ngon lành, xếp hai tảng đá trắng đặt yên trong nước. Pháp Tiến chiều tối trở về chùa càng cảm thấy lưng đau, hỏi tất cả mọi người rằng người nào xếp đá, nói cho biết để ngày mai đến chỗ ấy để từ bỏ tảng đá này. Đến sáng sớm Pháp Tiến ngồi thiền, mọi người vẫn thấy nước trong như ban đầu, liền từ bỏ tảng đá thì cơn đau liền khỏi. Từ đó luyện tập thiền định không rời khỏi núi này. Trong thời Khai Hoàng thì Thục Vương mời dạo đến Ích Châu, phi hậu mắc bệnh nên thỉnh cầu Pháp Tiến chữa trị bớt bệnh. Sau từ giã trở về núi, Vương và phi hậu tự mình đưa tiễn về núi, Vương cùng phi hậu trông thấy chân Pháp Tiến cách mặt đất 4-5 tấc. Vào ngày mồng 8 tháng Giêng năm thứ 13 niên hiệu Đại Nghiệp nhà Tùy qua đời tại núi này.

6. Thời nhà đường có Sa môn Thích Tuệ Dung ở chùa Phổ Quang thuộc Trường An, tự là Viên Chiếu, là người vùng Nam Dương, họ

Trương. Thuở còn thơ ấu mà luôn tinh tiến không phạm điều ác dù là nhỏ bé, tuổi trẻ cắt tóc xuất gia, thì vui với pháp thiền, đã từng ẩn cư tại núi Thái. Sau nhận được chiếu chỉ tìm đến đưa vào kinh đô trú tại chùa Phổ Quang. Luôn dạo đến núi Chung Nam, hoặc qua hoặc lại, đã từng leo lên núi gặp lúc tuyết phủ rất dày, không thể nào tiến lên được, bỗng nhiên có một con hổ ở trước mắt ngoắc tai cúi đầu xuống, Tuệ Dung biết ý đó, bèn cỡi lên lưng con hổ. Con hổ liền cõng Tuệ Dung mà leo lên phía trên, thường có cặp chim ở trong núi rừng bay phía trước dẫn đường. Đến đầu thời Vĩnh Huy nhà Đường xả thân chuyển thần ở tại chùa này. Tăng chúng trong chùa vào phòng của Tuệ Dung, trông thấy ánh sáng năm màu tỏa ra, đến lúc vào trong núi hỏa táng thi hài, thịt xương đều tiêu hết, chỉ có trái tim còn nguyên vẹn.

(Hai chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện).

■